

RÀO CẢN TRIỂN KHAI ESG TẠI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

● PHAN NGUYỄN TRANG NHÃ

Trường Đại học Văn Lang

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích các rào cản trong việc triển khai ESG tại doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp niêm yết, dưới góc độ pháp lý và thực tiễn quản trị. Trên cơ sở đánh giá khung pháp luật hiện hành, thực tiễn áp dụng và yêu cầu từ thị trường vốn, bài viết chỉ ra các hạn chế về nhận thức, chi phí tuân thủ, thiếu chuẩn mực thống nhất và năng lực thực thi. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao năng lực doanh nghiệp và thúc đẩy hệ sinh thái ESG tại Việt Nam.

Từ khóa: ESG, quản trị doanh nghiệp, tiếp cận vốn, phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình phát triển bền vững, ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) đã vượt ra khỏi phạm vi của một chuẩn mực quản trị mang tính tự nguyện để trở thành tiêu chí quan trọng trong hoạt động đầu tư, thương mại và quản trị doanh nghiệp hiện đại. Đặc biệt, sau các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu như Thỏa thuận Paris và mục tiêu phát thải ròng bằng “0” tại COP26, các yêu cầu liên quan đến ESG ngày càng được “pháp lý hóa” thông qua hệ thống quy định bắt buộc về công bố thông tin, quản trị rủi ro và trách nhiệm phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, mặc dù các yếu tố liên quan đến ESG đã được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp luật như Luật Bảo vệ môi trường 2020, Bộ luật Lao động 2019, Luật Doanh nghiệp 2020 hay Luật Chứng khoán 2019, song khung pháp lý hiện hành vẫn mang tính phân tán, thiếu chuẩn mực thống

nhất và chưa tạo được cơ chế triển khai hiệu quả. Trong khi đó, doanh nghiệp Việt Nam - đặc biệt là doanh nghiệp niêm yết và doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu - đang chịu áp lực ngày càng lớn từ nhà đầu tư, đối tác quốc tế và thị trường vốn về tuân thủ ESG. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai vẫn tồn tại nhiều rào cản như chi phí tuân thủ cao, hạn chế về nguồn lực, thiếu cơ chế hỗ trợ và khó khăn trong việc tiếp cận các chuẩn mực quốc tế.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu các rào cản triển khai ESG tại doanh nghiệp Việt Nam và đề xuất giải pháp khắc phục không chỉ có ý nghĩa về mặt học thuật, mà còn mang tính cấp thiết về phương diện pháp lý và thực tiễn quản trị doanh nghiệp. Đây cũng là yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng tiếp cận dòng vốn xanh và vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay.

2. Rào cản triển khai ESG tại doanh nghiệp Việt Nam

2.1. Chuẩn mực ESG thiếu thống nhất và mang tính bắt buộc

Một trong những rào cản mang tính nền tảng đối với việc triển khai ESG tại doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là sự thiếu vắng một hệ thống chuẩn mực ESG thống nhất, đồng bộ và có tính bắt buộc. Ngoài ra, sự thiếu rõ ràng trong các tiêu chuẩn đánh giá ESG cũng khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đo lường hiệu quả và giá trị mà ESG mang lại. Mặc dù các yếu tố cấu thành ESG đã được đề cập rải rác trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật, song cách tiếp cận hiện hành vẫn mang tính phân mảnh, thiếu liên kết và chưa hình thành một khuôn khổ pháp lý tích hợp.

Trước hết, về phương diện môi trường (E - Environment), các quy định chủ yếu được điều chỉnh trong Luật Bảo vệ môi trường 2020, với các yêu cầu như đánh giá tác động môi trường (ĐTM), quản lý chất thải, kiểm kê khí nhà kính và trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR). Tuy nhiên, các quy định này thiên về kiểm soát tuân thủ hơn là định hướng doanh nghiệp tích hợp yếu tố môi trường vào chiến lược phát triển dài hạn.

Ở phương diện xã hội (S - Social), các nghĩa vụ liên quan đến lao động, an sinh và bình đẳng được quy định trong Bộ luật Lao động 2019 và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, các tiêu chí ESG về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, quản trị chuỗi cung ứng hay tiêu chuẩn lao động quốc tế vẫn chưa được nội luật hóa đầy đủ.

Đối với yếu tố quản trị (G - Governance), mặc dù Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019 đã đặt ra một số yêu cầu về quản trị công ty và công bố thông tin, nhưng các quy định này vẫn chưa tiếp cận theo chuẩn mực quản trị hiện đại gắn với ESG, đặc biệt là các vấn đề như kiểm soát xung đột lợi ích hay quản trị rủi ro bền vững.

Hệ quả của cách tiếp cận phân tán này là doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều nghĩa vụ tuân thủ riêng lẻ, nhưng lại thiếu một định hướng tổng thể để tích hợp ESG vào chiến lược kinh doanh. Điều này không chỉ làm gia tăng chi phí tuân thủ mà còn khiến ESG bị

nhìn nhận như một tập hợp các yêu cầu hành chính, thay vì một công cụ tạo giá trị dài hạn.

So sánh với pháp luật quốc tế cho thấy khoảng cách đáng kể. Liên minh châu Âu đã xây dựng một hệ sinh thái ESG tương đối hoàn chỉnh, tiêu biểu là EU Taxonomy Regulation và Corporate Sustainability Reporting Directive (CSRD), trong đó thiết lập các tiêu chí rõ ràng về hoạt động kinh tế bền vững và nghĩa vụ công bố thông tin ESG mang tính bắt buộc. Không chỉ dừng lại ở chuẩn mực, thực tiễn quốc tế còn cho thấy xu hướng “pháp lý hóa ESG” ngày càng rõ nét. Ví dụ, trong vụ án Milieudefensie et al. v. Royal Dutch Shell (Tòa án Lahay, Hà Lan, năm 2021), Tòa án đã buộc doanh nghiệp phải cắt giảm lượng phát thải khí nhà kính 45% của toàn bộ hoạt động vào cuối năm 2030. Đây là lần đầu tiên, một Tòa án của một quốc gia trên thế giới ra phán quyết buộc một công ty nhiên liệu hóa thạch tuân thủ mục tiêu khí hậu toàn cầu và tuân thủ Thỏa thuận Paris. Điều này minh chứng cho việc ESG không còn là chuẩn mực tự nguyện, mà đang dần trở thành nghĩa vụ pháp lý có thể bị cưỡng chế.

Đặt trong bối cảnh Việt Nam, việc thiếu một khung ESG quốc gia thống nhất dẫn đến nhiều hệ lụy. Thứ nhất, doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xác định tiêu chuẩn áp dụng, dẫn đến tình trạng không thống nhất, thiếu tính so sánh và minh bạch. Thứ hai, nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư quốc tế, gặp trở ngại trong việc đánh giá mức độ tuân thủ ESG của doanh nghiệp Việt Nam, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thu hút vốn. Thứ ba, cơ quan quản lý nhà nước cũng thiếu công cụ pháp lý để giám sát và thúc đẩy ESG một cách hiệu quả.

Do đó, việc xây dựng một khung pháp lý ESG thống nhất, tiệm cận chuẩn mực quốc tế và có lộ trình áp dụng bắt buộc cần được xem là ưu tiên cấp thiết trong chính sách phát triển kinh tế - pháp lý hiện nay.

2.2. Chi phí triển khai và nguồn lực hạn chế

Một trong những rào cản mang tính thực chất và phổ biến nhất đối với việc triển khai ESG tại doanh nghiệp Việt Nam là gánh nặng chi phí và hạn chế về nguồn lực. Theo ông Nguyễn Hoàng Nam, Lãnh đạo Dịch vụ Tư vấn ESG, Phó Tổng Giám Đốc, PwC Việt Nam: “Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp

vừa và nhỏ, chưa có đủ năng lực để xây dựng báo cáo ESG đạt chuẩn quốc tế hoặc đầu tư vào các dự án giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng, đổi mới công nghệ”. Khác với các nghĩa vụ tuân thủ truyền thống vốn đã quen thuộc trong hệ thống pháp luật (thuế, lao động, môi trường), ESG đòi hỏi doanh nghiệp phải thiết lập một hệ thống quản trị tích hợp, liên ngành và liên tục, kéo theo chi phí đáng kể cả về tài chính lẫn nhân sự.

Thứ nhất, xét về chi phí tuân thủ và thiết lập hệ thống ESG, doanh nghiệp phải đầu tư vào nhiều cấu phần mới như: xây dựng chính sách nội bộ (môi trường, xã hội, quản trị), thiết lập quy trình kiểm soát, đào tạo nhân sự, cũng như thuê tư vấn chuyên môn. Đối với doanh nghiệp niêm yết, áp lực này còn gia tăng khi phải đáp ứng các yêu cầu về minh bạch thông tin theo pháp luật chứng khoán. Chẳng hạn, theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, doanh nghiệp phải công bố báo cáo thường niên có nội dung liên quan đến phát triển bền vững, trong đó bao gồm các yếu tố môi trường và xã hội. Tuy nhiên, quy định này mới chỉ dừng ở mức định hướng, chưa có tiêu chuẩn chi tiết, dẫn đến việc doanh nghiệp lúng túng trong quá trình công bố.

Thứ hai, chi phí đo lường và thu thập dữ liệu ESG là một thách thức đáng kể. ESG không chỉ là cam kết mang tính định tính mà đòi hỏi phải được lượng hóa thông qua các chỉ số cụ thể như phát thải khí nhà kính (Scope 1, 2, 3), mức tiêu thụ năng lượng, tỷ lệ lao động nữ trong quản lý, hay mức độ độc lập của Hội đồng quản trị,... Việc thu thập và xử lý các dữ liệu này đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư vào hệ thống công nghệ, quy trình kiểm toán nội bộ, thậm chí thuê bên thứ ba để xác minh. Trong khi đó, phần lớn doanh nghiệp Việt Nam chưa có nền tảng dữ liệu đủ mạnh, dẫn đến chi phí triển khai tăng cao và hiệu quả chưa tương xứng.

Từ góc độ pháp lý, có thể thấy, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay chưa thiết lập cơ chế hỗ trợ đủ mạnh để giảm chi phí tuân thủ ESG. Các chính sách khuyến khích như tín dụng xanh, trái phiếu xanh mới ở giai đoạn đầu, chưa tạo ra động lực rõ rệt. So sánh với kinh nghiệm quốc tế, nhiều quốc gia đã áp dụng

các cơ chế ưu đãi tài chính (thuế, tín dụng ưu đãi, quỹ hỗ trợ chuyển đổi xanh) nhằm chia sẻ chi phí với doanh nghiệp. Việc thiếu các công cụ tương tự tại Việt Nam càng làm gia tăng rào cản chi phí.

Như vậy, có thể khẳng định, chi phí triển khai và hạn chế về nguồn lực là một trong những “điểm nghẽn” cốt lõi trong quá trình hiện thực hóa ESG tại doanh nghiệp Việt Nam. Nếu không có các giải pháp đồng bộ nhằm giảm gánh nặng chi phí và tăng cường hỗ trợ nguồn lực, ESG khó có thể được triển khai rộng rãi, và mục tiêu phát triển bền vững sẽ khó đạt được trong thực tiễn.

3. Đề xuất giải pháp khắc phục rào cản triển khai thực hiện ESG tại doanh nghiệp Việt Nam

3.1. Hoàn thiện khung pháp lý ESG theo hướng thống nhất và tiệm cận chuẩn mực quốc tế

Một trong những yêu cầu cấp thiết hiện nay là xây dựng một khung pháp lý ESG thống nhất ở cấp quốc gia, thay cho cách tiếp cận phân tán và rời rạc như hiện nay. Về bản chất, ESG không chỉ là tập hợp của các nghĩa vụ về môi trường, lao động hay quản trị doanh nghiệp, mà là một hệ thống chuẩn mực tích hợp nhằm đánh giá tính bền vững và trách nhiệm dài hạn của doanh nghiệp. Do đó, việc điều chỉnh ESG thông qua các quy định riêng lẻ trong nhiều ngành luật khác nhau đang làm giảm hiệu quả thực thi và gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ.

Trên cơ sở đó, Việt Nam cần nghiên cứu xây dựng một Chiến lược hoặc Bộ tiêu chuẩn ESG quốc gia, đóng vai trò như một khung định hướng chung cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Bộ tiêu chuẩn này cần xác định rõ các nguyên tắc, tiêu chí đánh giá và nghĩa vụ công bố thông tin ESG theo hướng tiệm cận các chuẩn mực quốc tế như: International Sustainability Standards Board; Chuẩn GRI; Chuẩn SASB....

Đặc biệt, cần xây dựng lộ trình chuyển dần từ cơ chế “khuyến khích tự nguyện” sang “nghĩa vụ bắt buộc có kiểm soát”, trước hết đối với các doanh nghiệp niêm yết, tổ chức tín dụng và doanh nghiệp có phát thải lớn. Đây cũng là xu hướng pháp lý quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ. Chẳng hạn, theo Corporate Sustainability Reporting Directive (CSRD), doanh

ngành hoạt động tại châu Âu bắt buộc phải công bố báo cáo phát triển bền vững theo chuẩn thống nhất từ năm 2024.

Thực tiễn quốc tế cho thấy, ESG đang dần chuyển từ “chuẩn mực đạo đức” sang “nghĩa vụ pháp lý có thể cưỡng chế”. Điển hình là phán quyết trong vụ án Milieudefensie et al. v. Royal Dutch Shell (2021) đã đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy pháp lý toàn cầu: doanh nghiệp có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý nếu không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ESG. Đây là kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật.

3.2. Chuẩn hóa nghĩa vụ công bố thông tin ESG và tăng cường minh bạch thị trường

Một rào cản lớn hiện nay là tình trạng công bố thông tin ESG còn thiếu thống nhất, mang tính hình thức và khó kiểm chứng. Mặc dù Thông tư số 96/2020/TT-BTC đã yêu cầu doanh nghiệp niêm yết công bố một số nội dung liên quan đến phát triển bền vững, nhưng quy định hiện hành chưa thiết lập hệ thống tiêu chí cụ thể, dẫn đến tình trạng mỗi doanh nghiệp áp dụng một phương pháp khác nhau, gây khó khăn trong việc đánh giá và so sánh.

Do đó, cần sửa đổi và hoàn thiện pháp luật chứng khoán theo hướng: (i) Quy định cụ thể các chỉ tiêu ESG tối thiểu phải công bố; (ii) Chuẩn hóa phương pháp đo lường và trình bày dữ liệu; (iii) Tăng cường cơ chế kiểm toán hoặc xác minh độc lập đối với báo cáo ESG.

Đối với Việt Nam, việc chuẩn hóa công bố ESG không chỉ giúp bảo vệ nhà đầu tư mà còn tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận dòng vốn xanh và thu hút các nhà đầu tư quốc tế.

3.3. Thiết lập cơ chế hỗ trợ tài chính nhằm giảm gánh nặng chi phí triển khai ESG

Chi phí triển khai ESG hiện là một trong những “điểm nghẽn” lớn nhất, đặc biệt đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do đó, nếu chỉ đặt ra nghĩa vụ tuân thủ mà không có cơ chế hỗ trợ tương ứng, ESG sẽ khó được triển khai thực chất. Theo đó, Nhà nước cần xây dựng các chính sách tài chính hỗ trợ theo hướng: (i) Mở rộng tín dụng xanh và ưu đãi lãi suất cho dự án ESG; (ii) Khuyến khích phát hành trái phiếu xanh; (iii) Áp dụng ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp đầu tư

vào công nghệ sạch hoặc giảm phát thải; (iv) Thành lập quỹ hỗ trợ chuyển đổi xanh cho doanh nghiệp.

Kinh nghiệm từ nhiều quốc gia cho thấy, vai trò của Nhà nước là rất quan trọng trong giai đoạn đầu chuyển đổi ESG. Chẳng hạn, Singapore đã triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính và đào tạo ESG cho doanh nghiệp nhỏ nhằm giúp họ tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Tương tự, Hàn Quốc đã xây dựng cơ chế tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi xanh và giảm phát thải.

Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo cam kết tại COP26, việc thiết lập các cơ chế hỗ trợ tài chính cho ESG không chỉ là chính sách kinh tế, mà còn là yêu cầu tất yếu để hiện thực hóa cam kết quốc tế. Nếu không có các giải pháp đồng bộ và kịp thời, doanh nghiệp Việt Nam sẽ đối mặt với nguy cơ tụt lại phía sau trong quá trình chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế. Ngược lại, nếu được triển khai hiệu quả, ESG không chỉ là công cụ quản trị rủi ro mà còn trở thành động lực nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng tiếp cận vốn và phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam trong dài hạn.

4. Kết luận

Trong bối cảnh ESG đang trở thành tiêu chuẩn quan trọng của thương mại, đầu tư và quản trị doanh nghiệp toàn cầu, việc triển khai ESG tại doanh nghiệp Việt Nam không còn là xu hướng mang tính tự nguyện mà đã dần trở thành yêu cầu tất yếu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy, quá trình triển khai ESG vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản đáng kể như thiếu khung pháp lý thống nhất, chi phí tuân thủ cao, hạn chế về nguồn lực và năng lực quản trị của doanh nghiệp. Những khó khăn này không chỉ làm giảm hiệu quả áp dụng ESG trong thực tiễn mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận vốn, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong dài hạn.

Từ đó có thể khẳng định, việc hoàn thiện cơ chế pháp lý về ESG, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn minh bạch, tăng cường cơ chế hỗ trợ tài chính và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp là yêu cầu mang tính cấp thiết hiện nay. ESG cần được nhìn nhận không

chỉ như một nghĩa vụ tuân thủ, mà còn là công cụ chiến lược giúp doanh nghiệp nâng cao giá trị, quản trị rủi ro và phát triển bền vững. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang dịch chuyển mạnh mẽ sang mô

hình tăng trưởng xanh và có trách nhiệm, việc tháo gỡ các rào cản triển khai ESG sẽ là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp Việt Nam thích ứng, phát triển và khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Nguyễn Thị Phương Dung (2025). Bộ tiêu chuẩn về môi trường - xã hội - quản trị (ESG) và phát triển bền vững ở Việt Nam. Tạp chí Công Thương, truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/bo-tieu-chuan-ve-moi-truong-xa-hoi-quan-tri--esg--va-phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-139875.htm>

District Court of The Hague (2021), Milieudefensie et al. v. Royal Dutch Shell plc, Case No. C/09/571932 / HA ZA 19-379, truy cập tại https://www.climatecasechart.com/documents/milieudefensie-et-al-v-royal-dutch-shell-plc-judgment_4645

Nguyễn Thị Hồng Trinh (2023). Giải quyết tranh chấp biến đổi khí hậu tại Hà Lan và kinh nghiệm đối với Việt Nam. Tạp chí Pháp luật & Dân chủ, truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/giai-quyet-tranh-chap-bien-doi-khi-hau-tai-ha-lan-va-kinh-nghiem-doi-voi-viet-nam-572.html>

Linh Ngọc (2025). 89% doanh nghiệp tại Việt Nam có kế hoạch cam kết ESG trong 2-4 năm tới. Tạp chí Kinh tế Việt Nam, truy cập tại <https://vneconomy.vn/89-doanh-nghiep-tai-viet-nam-co-ke-hoach-cam-ket-esg-trong-2-4-nam-toi.htm>

Ngày nhận bài: 18/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 30/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/4/2026

BARRIERS TO ESG IMPLEMENTATION IN VIETNAMESE ENTERPRISES AND PROPOSED SOLUTIONS

● **PHAN NGUYEN TRANG NHA**

Van Lang University

ABSTRACT:

This study analyzes barriers to ESG implementation in Vietnamese enterprises, particularly listed companies, from legal and governance perspectives. Based on an assessment of the current legal framework, practical implementation, and capital market requirements, the study identifies key limitations, including low awareness, high compliance costs, lack of unified standards, and limited implementation capacity. Accordingly, the study proposes solutions to improve the legal framework, enhance enterprise capabilities, and promote the development of the ESG ecosystem in Vietnam.

Keywords: ESG, corporate governance, capital access, sustainable development.